TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2025/HNGĐ-PT
Ngày: 28 – 5 – 2025
V/v tranh chấp: Chia tài sản chung sau ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Giàu

Các Thẩm phán: Ông Võ Thanh Bình;

Bà Lâm Ngọc Tuyền.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Hà Ngọc Thư Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án thụ lý số: 05/2025/TLPT-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2025 về việc tranh chấp "Chia tài sản chung sau ly hôn".

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 184/2024/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 14/2025/QĐ-PT ngày 10 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Võ Thị M, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Ấp , xã P C, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp , xã P C, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

**** Bị đơn:*** Võ Thanh T, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Ấp , xã P C, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Trần Phước N, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Số B T Đ, phường , TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: Số , ấp C T, xã K B, huyện T T, tỉnh Long An. (Được ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 14/11/2024)

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ông Võ Văn T, sinh năm 1951;

Địa chỉ: Ấp , xã P C, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

2. Anh Võ Bá M, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Ấp , xã P C, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

3. Ông Võ Văn T, sinh năm 1947;

Địa chỉ: Ấp A, xã P C, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

4. Anh Nguyễn Thanh N (Phạm Trường C), sinh năm 1984;

Địa chỉ: Ấp , xã P C, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

5. Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Ấp H T, xã T H, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

6. Anh Võ Thanh B, sinh năm 2000;

7. Anh Võ Thanh H, sinh năm 2002;

Cùng địa chỉ: Ấp , xã P C, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của anh B và anh H: Trần Phước N, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Số B T Đ, Phường , TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: Số , ấp C T, xã K B, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An. (Được ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 14/11/2024 và ngày 18/02/2025)

8. Anh Võ Thanh T, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Ấp , xã P C, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

9. Ông Trần Quốc C;

Địa chỉ: Ấp H X, xã T H, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

**** Người kháng cáo**:* Bị đơn Võ Thanh T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Thanh B, Võ Thanh H.

Bà M, anh N có mặt tại phiên toà

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Võ Thị M trình bày:*

Tôi và ông Võ Thanh T là vợ chồng, đã ly hôn theo quyết định của Tòa án vào tháng 3/2023 về phần tài sản chung để tự thỏa thuận. Tuy nhiên sau đó do không thỏa thuận được nên tôi có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết chia tài sản chung vợ chồng là:

- Thửa đất số 312, tờ bản đồ C1, diện tích 1.795m^2, tọa lạc ấp H X, xã H T, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, bà M yêu cầu nhận hiện vật toàn ½ thửa đất, đồng ý giao ½ thửa đất là diện tích 897,5m^2 cho ông T.

- Thửa đất 314, tờ bản đồ C1, diện tích 8.507,7m^2 tọa lạc ấp H X, xã H T, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, trước đây tôi có yêu cầu nhận là diện tích 3.391m^2 đồng ý chia ông Tuấn diện tích còn lại là 5.116,7m^2. Nay tôi yêu cầu chia đôi, tôi yêu cầu được nhận bằng hiện vật đồng ý giao ½ hiện vật thửa đất cho ông T.

- Căn nhà cấp 4 có giá trị theo định giá là 412.487.412 đồng và cây trồng là 95.374.000 đồng tôi yêu cầu chia đôi, yêu cầu nhận ½ giá trị. Đối với các cây kiểng tôi đồng ý giao lại cho ông T. Tài sản trong nhà tôi và ông T đồng ý tự thỏa thuận.

Đối với số nợ, tôi và ông T đều thừa nhận có nợ những người tôi và ông T trình bày, chúng tôi thống nhất tự trả nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông T trình bày:*

Thống nhất các tài sản bà M yêu cầu chia là tài sản chung. Riêng thửa 60 của ba ruột tôi là Võ Văn T nên không đồng ý chia. Và 28 cây mít trên thửa 60 do mới trồng sau khi bà M bỏ đi nên không đồng ý chia. Đối với 02 thửa đất 312 và 314 tại huyện Tân Phước tôi yêu cầu chia làm 04 phần bằng nhau cho tôi và bà Mơ, 02 người con lớn mỗi người nhận 01 phần bằng hiện vật.

Về nợ chung và tài sản trong nhà: Thống nhất để tôi và bà M tự trả nợ, tự phân chia tài sản trong nhà, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Thanh B, Võ Thanh H có yêu cầu độc lập:*

Chia 02 thửa đất 312, tờ bản đồ C1, diện tích 1795m^2; Thửa 314, tờ bản đồ C1, diện tích 8507,7m^2 cùng tọa lạc ấp H X, xã T H, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang cho anh H được nhận ¼ đối với 02 thửa đất trên là diện tích 448,75m^2 (nằm trong thửa 312) và 2.126,92m^2 (nằm trong thửa 314)

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh N – chủ cửa hàng vật tư nông nghiệp Phạm Trường C có đơn xin vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu độc lập và bản tự khai trình bày yêu cầu như sau:*

Tôi là chủ hộ kinh doanh Phạm Trường C – Vật tư nông nghiệp Châu Đức 3. Vào vụ Đông Xuân năm 2023 (tháng 02/2023) vợ chồng ông T, bà M có mua của tôi nhiều lần phân bón, thuốc bảo vệ thực vật với tổng số tiền là 46.993.000 đồng, đến nay vẫn chưa thanh toán cho tôi số tiền trên. Nay vợ chồng ông T, bà M yêu cầu giải quyết chia tài sản chung nên tôi cũng có yêu cầu độc lập buộc bà M, ông T trả hết số tiền nợ 46.993.000 đồng cho tôi, yêu cầu trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 184/2024/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 159, 166, khoản 1 Điều 244, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 33, 59 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 212, 213 Bộ luật Dân sự; Điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14,

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị M.

Xác định tài sản chung của bà Võ Thị M và ông Võ Thanh T trong thời kỳ hôn nhân gồm: Nhà kết cấu mái tol, cột BTCT, vách tường ốp gạch nằm trên thửa đất số 60, diện tích 13.272m^2 tọa lạc ấp B, xã P C, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang của ông Võ Văn T; Cây trồng trên thửa đất số 60 gồm: 17 cây mít, 09 cây dừa, 01 cây vú sữa, 02 cây mãng cầu, 02 cây xoài, 04 cây bơ, 02 cây tắt, 01 cây chanh, 01 cây khế; Thửa đất thửa đất 312, tờ bản đồ C1, diện tích 1.795m^2; Thửa 314, tờ bản đồ C1, diện tích 8.507,7m^2 cùng tọa lạc ấp H X, xã T H, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang do bà Võ Thị M đại diện hộ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

1/ Về tài sản chung:

1.1/ Chia cho bà Võ Thị M.

- Diện tích 898,3m^2 nằm trong thửa 312 và diện tích 4.007,9m^2 nằm trong thửa 314 cùng tờ bản đồ C1, tọa lạc ấp H X, xã T H, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang (do bà M đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

Thửa 312 chia bà M có tứ cận như sau:

+ Bắc giáp diện tích 898,6m^2 còn lại của thửa 312 (chia cho ông T);

+ Nam giáp thửa 605;

+ Tây giáp đường kênh 1. Nhựa

+ Đông giáp kênh 100

Thửa 314 chia cho bà M có tứ cận:

+ Bắc giáp diện tích 4316,8m^2 thửa 314 còn lại (chia cho ông T);

+ Nam giáp thửa 313;

+ Tây giáp kênh 100;

+ Đông đường tây kênh 500;

- Số tiền 235.756.708 đồng (Hai trăm ba mươi lăm triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn bảy trăm lẻ tám ngàn đồng)

1.2/ Chia cho ông Võ Thanh T:

- Toàn bộ căn nhà và cây trồng trên thửa đất số 60 diện tích 13.272m^2 tọa lạc ấp B, xã P C, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang của ông Võ Văn T.

- Diện tích 898,6m^2 nằm trong thửa 312 và diện tích 4.316,8m^2 nằm trong thửa 314 cùng tờ bản đồ C1, tọa lạc ấp H X, xã T H, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang (do bà M đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

Buộc ông Võ Thanh T có trách nhiệm giao trả tiền giá trị nhà và cây trồng trên thửa đất số 60 là 235.756.708 đồng cho bà Mơ ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Thửa 312 chia ông T có tứ cận như sau:

+ Bắc giáp thửa 45;

+ Nam giáp diện tích 898,3m^2 còn lại của thửa 312 (phần chia cho bà M);

+ Tây giáp đường kênh 1. Nhựa

+ Đông giáp kênh 100

Thửa 314 chia cho ông T có tứ cận:

+ Bắc giáp thửa 48;

+ Nam giáp diện tích 4007,9m^2 còn lại của thửa 314 (phần chia cho bà M)

+ Tây giáp kênh 100;

+ Đông giáp đường tây kênh 500

Bà Võ Thị M và ông Võ Thanh T có quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích tương ứng được phân chia.

(Kèm theo sơ đồ đo đạc ngày 26/8/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Tân Phước)

2/ Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3/ Không chấp nhận yêu cầu độc lập của anh Võ Thanh H, Võ Thanh B về yêu cầu chia ¼ tài sản chung là thửa đất 312, 314 tọa lạc ấp H X, xã T H, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

4/ Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Thanh N. Buộc bà Võ Thị M và ông Võ Thanh T mỗi người có trách nhiệm trả cho ông N số tiền 23.496.500 đồng. Thực hiện việc trả nợ ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

5/ Đình chỉ giải quyết yêu cầu của bà M yêu cầu chia đôi giá trị thửa đất số 60, tọa lạc ấp , xã P C, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang của ông Võ Văn T và yêu cầu chia đôi phần nợ chung, tài sản chung trong nhà.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo của các đương sự, quyền thỏa thuận thi hành án theo quy định pháp luật.

Ngày 12, 13 và 16 tháng 9 năm 2024, bị đơn ông Võ Thanh T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Thanh B, Võ Thanh H có đơn kháng cáo; yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Yêu cầu chia thửa đất số 312 và 314 làm 4 phần, yêu cầu nhận một phần bằng hiện vật, tương ứng 400.000.000 đồng.

* Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên yêu cầu độc lập, người kháng

cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo: Yêu cầu kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có căn cứ để xem xét, diện tích đất yêu cầu chia là do công sức tạo lập trong thời kỳ hôn nhân của bà M và ông T, khi đó anh B và anh H còn nhỏ sống phụ thuộc vào cha mẹ; đương sự kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu chứng cứ nào mới; về tài sản và cây trồng trên đất bị đơn có yêu cầu định giá lại nhưng không có kháng cáo, qua xem xét giá trị căn nhà có cao hơn biên bản định giá tại cấp sơ thẩm và có một số cây trồng già lão nên cần giữ nguyên giá trị nhà theo cấp sơ thẩm, cấn trừ số cây không sử dụng được; đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang, Hội đồng xét xử nhận định:

[I]- Bà Võ Thị M và ông Võ Thanh T là vợ chồng ly hôn vào năm 2023, khi ly hôn thoả thuận về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu giải quyết. Do không thoả thuận được nên năm 2024 bà M có yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân, bà M và ông T thống nhất vợ chồng tạo lập tài sản trong thời kỳ hôn nhân gồm có hai thửa đất số 312, tờ bản đồ C1, diện tích 1.795m^2 + thửa đất số 314, tờ bản đồ C1, diện tích 8.507,7m^2 cùng tọa lạc ấp H X, xã T H, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang do bà Võ Thị M đại diện hộ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thống nhất trình bày hai thửa đất do vợ chồng nhận chuyển nhượng từ năm 2014, đến năm 2016 mới được cấp giấy chứng nhận, nguồn tiền do tích lũy và mượn thêm người thân trong gia đình. Bà M có yêu cầu chia đôi 02 thửa đất này, phía ông T không đồng ý mà yêu cầu chia 04 phần cho ông, bà M cùng 02 con là Võ Thanh B và Võ Thanh H. Qua trình bày và yêu cầu của ông T cho thấy, hai thửa đất 312, 314 được ông T, bà M thống nhất nguồn gốc là nhận chuyển nhượng vào năm 2014; xét về thời gian chuyển nhượng vào thời điểm này anh B mới 14 tuổi, anh H 12 tuổi, còn về nguồn tiền do bà M và ông T chung sống vợ chồng từ năm 2000 đến năm 2014, trong thời gian này tạo lập được nguồn tiền để nhận chuyển nhượng hai thửa đất trên, do đó anh B và anh H không có công sức đóng góp gì vào khối tài sản chung của hộ; nên xác định hai thửa đất này là tài sản chung của vợ chồng, không phải là tài sản chung trong hộ có thành viên gia đình là B và H; cần chia đôi cho bà M và ông T theo yêu cầu khởi kiện của bà M, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của ông T, anh B và H.

[II]- Đối với căn nhà và cây trồng trên thửa đất 60 thống nhất là của vợ chồng tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, ông T và anh B, H không kháng cáo nhưng có yêu cầu định giá lại nên cần xem xét có tổng giá trị 412.487.412 đồng (Theo biên bản định giá lại ngày 25/4/2025 có tổng giá trị 436.579.739 đồng); do kết quả định giá căn nhà mới thực hiện có giá trị cao hơn kết quả định giá trước đây, nhằm đảm bảo quyền lợi của ông T nên cần chia đôi theo giá trị tại kết quả định giá trước, ông T được quản lý nhà và có nghĩa vụ giao cho bà M số tiền là 206.243.706 đồng. Đối với 28 cây mít do ông T trồng sau khi vợ chồng ly hôn, bà M đồng ý và không yêu cầu chia, cấp sơ thẩm không chia số cây trồng này là phù hợp; xác định giá trị cây trồng còn lại là 59.030.000 đồng và chia 2, ông T giao cho bà M số tiền 29.515.000 đồng; theo biên bản định giá lại ngày 25/4/2025 có 03 cây mít đã già lão với số tiền 1.707.000 đồng và 01 cây dừa già lão số tiền 750.000 đồng nên được cấn trừ: 29.515.000 đồng - 2.457.000 đồng = 27.058.000 đồng, ông T được quản lý số cây trồng trên đất và giao lại cho bà M số tiền 27.058.000 đồng.

Từ những căn cứ pháp lý nêu trên: Ông T cùng hai con là B và H kháng cáo yêu cầu chia diện tích đất làm 04 phần là không có căn cứ để xem xét, số cây mít ông T trồng trên đất cấp sơ thẩm đã xem xét không chia, giao cho ông T, xem xét trừ lại số cây hiện nay đã già lão không có giá trị sử dụng được cấn trừ vào số tiền ông T giao lại cho bà M. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm không tuyên nghĩa vụ chậm thi hành án và hậu quả đình chỉ là có thiếu sót, cần bổ sung cho đầy đủ theo quy định.

[III]- Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông T, anh B và anh H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Số tiền chia tài sản chung bà M được nhận có thấp hơn so với cấp sơ thẩm, nhưng không đáng kể nên không cần thiết phải tính lại án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ chịu án phí của bà M.

[IV]- Những phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Võ Thanh T, anh Võ Thanh B và Võ Thanh H cùng uỷ quyền cho anh Trần Phước N.

Sửa một phần Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 184/2024/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Áp dụng các Điều 33, 59 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 212, 213 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Võ Thị M.

Xác định tài sản chung của bà Võ Thị M và ông Võ Thanh T trong thời kỳ hôn nhân gồm: Nhà kết cấu mái tol, cột BTCT, vách tường ốp gạch nằm trên thửa đất số 60, diện tích 13.272m^2 tọa lạc ấp B, xã P C, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang của ông Võ Văn T; Cây trồng trên thửa đất số 60 gồm: 17 cây mít, 09 cây dừa, 01 cây vú sữa, 02 cây mãng cầu, 02 cây xoài, 04 cây bơ, 02 cây tắt, 01 cây chanh, 01 cây khế; Thửa đất thửa đất 312, tờ bản đồ C1, diện tích 1.795m^2; Thửa 314, tờ bản đồ C1, diện tích 8.507,7m^2 cùng tọa lạc ấp H X, xã T H, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang do bà Võ Thị M đại diện hộ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2.1- Chia cho bà Võ Thị M.

Diện tích 898,3m^2 nằm trong thửa 312 và diện tích 4.007,9m^2 nằm trong thửa 314 cùng tờ bản đồ C1, tọa lạc ấp H X, xã T H, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang (do bà M đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

Thửa 312 chia bà M có tứ cận như sau:

- Bắc giáp diện tích 898,6m^2 còn lại của thửa 312 (chia cho ông T);

- Nam giáp thửa 605;

- Tây giáp đường kênh 1. Nhựa

- Đông giáp kênh 100

Thửa 314 chia cho bà M có tứ cận như sau:

- Bắc giáp diện tích 4316,8m^2 thửa 314 còn lại (chia cho ông T);

- Nam giáp thửa 313;

- Tây giáp kênh 100;

- Đông đường tây kênh 500;

Buộc ông Võ Thanh T có nghĩa vụ hoàn trả giá trị nhà và cây trồng trên thửa đất số 60 với số tiền 233.301.706 đồng (Hai trăm ba mươi ba triệu ba trăm lẽ một nghìn bảy trăm lẻ sáu đồng) cho bà Võ Thị M được nhận.

Kể từ ngày bà M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T chậm thi hành đối với phần tiền, thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2.2- Chia cho ông Võ Thanh T:

Toàn bộ căn nhà và cây trồng trên thửa đất số 60 diện tích 13.272m^2 tọa lạc ấp B, xã P C, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang của ông Võ Văn T.

Diện tích 898,6m^2 nằm trong thửa 312 và diện tích 4.316,8m^2 nằm trong thửa 314 cùng tờ bản đồ C1, tọa lạc ấp H X, xã T H, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang (do bà M đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

Thửa 312 chia ông T có tứ cận như sau:

- Bắc giáp thửa 45;

- Nam giáp diện tích 898,3m^2 còn lại của thửa 312 (phần chia cho bà M);

- Tây giáp đường kênh 1. Nhựa

- Đông giáp kênh 100

Thửa 314 chia cho ông T có tứ cận như sau:

- Bắc giáp thửa 48;

- Nam giáp diện tích 4007,9m^2 còn lại của thửa 314 (phần chia cho bà M)

- Tây giáp kênh 100;

- Đông giáp đường tây kênh 500

3. Bà Võ Thị M và ông Võ Thanh T có quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích tương ứng được phân chia.

(Kèm theo sơ đồ đo đạc ngày 26/8/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Tân Phước)

4- Không chấp nhận yêu cầu độc lập của anh Võ Thanh H, Võ Thanh B về yêu cầu chia ¼ tài sản chung là thửa đất 312, 314 tọa lạc ấp H X, xã T H, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

5- Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Thanh N.

Buộc bà Võ Thị M và ông Võ Thanh T mỗi người có trách nhiệm trả cho ông N số tiền 23.496.500 đồng.

Kể từ ngày ông N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà M và ông T chậm thi hành đối với phần tiền, thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

6- Đình chỉ giải quyết yêu cầu của bà M yêu cầu chia đôi giá trị thửa đất số 60, tọa lạc ấp , xã P C, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang của ông Võ Văn T và yêu cầu chia đôi phần nợ chung, tài sản chung trong nhà.

Hậu quả đình chỉ theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

7. Về án phí:

Ông Võ Thanh T, Võ Thanh B, Võ Thanh H mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, đã nộp tạm ứng án phí số tiền 900.000 đồng theo các biên lai thu số 0016830 ngày 12/9/2024, 0016834 ngày 13/9/2024 và 0016835 ngày 16/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, nên xem như thi hành xong về án phí phúc thẩm.

8. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật tố tụng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Cai Lậy;
- CCTHADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Ngọc Giàu